

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2024/KDTM-ST

Ngày: 13-9-2024

V/v Tranh chấp

hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tống Văn Tâm;

Ông Huỳnh Sơn Tây.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 87/2024/TLST-KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST-KDTM ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Q; địa chỉ: Cụm C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đăng M, sinh năm 1979; địa chỉ: H N, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; Có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt

- Bị đơn: Công ty TNHH M1 (Việt Nam); địa chỉ: T tờ bản Đ, khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chiang Jung C, chức vụ Tổng Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 19/4/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn – ông Trần Đăng M trình bày:

Công ty TNHH Q (gọi tắt là Công ty Q) có ký Hợp đồng kinh tế số 01-2023/ĐA-MS ngày 01/01/2023 về việc mua bán hàng ngũ kim và mút xốp với Công ty TNHH M1 (Việt Nam) (gọi tắt là Công ty M2).

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Q đã hoàn thành đơn hàng và giao hàng nhiều lần cho Công ty M2 và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng nhưng Công ty M2 không thanh toán đủ tiền mua hàng cho Công ty Q.

Thời điểm hiện tại Công ty M2 còn nợ Công ty Q số tiền hàng là 268.510.814 đồng. Công ty Q đã nhiều lần liên hệ và gửi văn bản đề nghị thanh toán công nợ đề ngày 18/01/2024 (gửi qua đường bưu điện ngày 19/01/2024) và đề nghị Công ty M2 thanh toán tiền mua hàng nhưng không nhận được sự hợp tác từ Công ty M2. Do đó, Công ty Q khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

- Yêu cầu Công ty TNHH M1 (Việt Nam) có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Q số tiền nợ là 268.510.814 đồng.

- Yêu cầu Công ty TNHH M1 (Việt Nam) có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Q số tiền lãi chậm trả từ ngày 05/02/2024 đến ngày 13/9/2024: $268.510.814 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 07 \text{ tháng } 08 \text{ ngày} = 16.259.820 \text{ đồng}$.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để làm rõ những người có địa chỉ thư điện tử do Công ty Q cung cấp tại Vi bằng có phải là nhân viên của Công ty M2 hay không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc vắng mặt của bị đơn: Công ty TNHH M1 (Việt Nam) đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để làm rõ thông tin nhân thân của những người có địa chỉ thư điện tử do Công ty Q cung cấp tại Vi bằng có phải là nhân viên của Công ty M2 hay không. Xét thấy, Công ty M2 đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Công ty M2 đã được tổng đạt thông báo thụ lý và thông báo mở phiên họp triệu tập tham hòa giải nhưng không tham gia và không gửi bản tự khai, tài liệu, chứng cứ đến Tòa án thể hiện ý chí của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Công ty M2 đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Mặt khác, Cục thuế tỉnh B đã hai lần thông báo cho Công ty M2 giải trình, bổ sung thông tin tài liệu liên quan đến hóa đơn mua vào của Công ty Q nhưng Công ty M2 chưa cung cấp văn bản giải trình cho Cục thuế tỉnh B. Từ những lý do trên, không có cơ sở chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc tạm ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ.

Về nội dung vụ án:

[3] Trong thời gian thực hiện hợp đồng kinh tế với Công ty M2, Công ty Q đã xuất các Hóa đơn giá trị gia tăng số 117 ngày 24/3/2023, 235 ngày 27/4/2023, 239 ngày 27/4/2023, 278 ngày 24/5/2023, 513 ngày 22/8/2023, 592 ngày 13/9/2023, 659 ngày 29/9/2023, 679 ngày 05/10/2023, 673 ngày 02/10/2023 với tổng giá trị là 268.510.814 đồng, giữa hai bên chưa đối chiếu công nợ. Tại Văn bản số 3009/CTBDU-TTKT4 ngày 01/8/2024 của Cục thuế tỉnh B thì Công ty TNHH M1 (Việt Nam) chưa cung cấp văn bản giải trình cung cấp thông tin tình hình kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng của Công ty đối với các hóa đơn trên theo Thông báo lần 1 số 14316/TB-CTBDU ngày 28/5/2024 và lần 2 số 18290/TB-CTBDU ngày 09/7/2024 về việc đề nghị Công ty TNHH M1 (Việt Nam) giải trình, bổ sung thông tin tài liệu liên quan đến các hóa đơn mua vào của Công ty TNHH Q. Công ty M2 đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do và không cung cấp văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

[4] Giá trị hàng hóa tại các Hóa đơn giá trị gia tăng số 117 ngày 24/3/2023 là 20.790.000 đồng, 235 ngày 27/4/2023 là 31.185.000 đồng, 239 ngày 27/4/2023 là 41.717.500 đồng, 278 ngày 24/5/2023 là 25.740.000 đồng, 513 ngày 22/8/2023 là 27.324.000 đồng, 592 ngày 13/9/2023 là 19.334.700 đồng, 659 ngày 29/9/2023 là 105.334.614 đồng, 679 ngày 05/10/2023 là 11.618.750 đồng, 673 ngày 02/10/2023 là 6.256.250 đồng với tổng giá trị là 268.510.814 đồng (Đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Công ty Q đã giao hàng cho Công ty M2 và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền là 268.510.814 đồng (Đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Q buộc Công ty M2 có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng là 268.510.814 đồng.

[5] Theo thỏa thuận tại Hợp đồng kinh tế mua bán ngày 01/01/2023 thì Công ty M2 có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền cho Công ty Q dựa vào hóa đơn giá trị gia tăng mà Công ty Q đã xuất cho Công ty M2. Thanh toán chậm

nhất 60 ngày kể từ ngày chốt công nợ. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên không thực hiện việc chốt công nợ như thỏa thuận. Do đó, Công ty Q yêu cầu tính tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày 05/02/2024 cho đến khi Tòa án xét xử vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về lãi suất chậm trả: Công ty Q yêu cầu Công ty M2 thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng với lãi suất 10%/năm. Hiện nay, mức lãi suất của Ngân hàng N là 10,5%/năm, Ngân hàng Thương mại cổ phần T là 10%/năm, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ là 10%/năm. Bình quân lãi suất của ba ngân hàng là 10%/năm. Do đó, Công ty Q yêu cầu Công ty M2 thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm là có cơ sở chấp nhận.

[7] Số tiền lãi chậm trả từ ngày 05/02/2024 đến ngày 13/9/2024: $268.510.814 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 07 \text{ tháng } 08 \text{ ngày} = 16.259.820 \text{ đồng}$.

[8] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các điều 30, 35, 39, 147, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11, 24, 50, 55, 306 của Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Q.

Công ty TNHH M1 (Việt Nam) có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Q số tiền nợ 268.510.814 đồng (Hai trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm mười nghìn, tám trăm mười bốn) đồng và tiền lãi 16.259.820 đồng (Mười sáu triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH M1 (Việt Nam) phải chịu án phí sơ thẩm là 14.238.532 (Mười bốn triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm ba mươi hai) đồng.

- Công ty TNHH Q không phải chịu án phí. Trả lại cho Công ty TNHH Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.848.865 (Sáu triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm sáu mươi lăm) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001427 ngày 09/5/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tp. Tân Uyên;
- Chi cục THADS tp. Tân Uyên (để thi hành án);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Trúc